

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THANH XUÂN
TP. HÀ NỘI**

-----***-----

Bản án số: 140/2020/HSST

Ngày: 07/7/2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

-----*****-----

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH XUÂN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Quang Linh

2. Ông Đặng Như Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Tuyền – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân tham gia phiên tòa:

Ông Phạm Thế Song - Kiểm sát viên

Trong ngày 07 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 127/2020/TLST-HS ngày 10/6/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 194/2020/QĐXXST-HS ngày 25/6/2020 đối với bị cáo:

Lữ Ngọc T, sinh năm 1958; HKTT: 1A ngõ 15 đường V, phường L, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội; chỗ ở: 64 đường L, phường C, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lữ Văn T và bà Lê Thị L (đều đã chết); có vợ là Lý Thị Đức H và 04 con; tiền sự: Không

Tiền án:

Bản án số 419/2006/HSST ngày 26/10/2006 của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng xử phạt 30 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Ra trại ngày 17/10/2008 (chưa thi hành khoản án phí).

Nhân thân:

Bản án số 40/HSST ngày 17/02/1990 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm về tội Thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng tài sản Xã hội chủ nghĩa.

Từ năm 1980 – 1986 bị xử lý hành chính về các hành vi cố ý gây thương tích, trộm cắp tài sản, đánh bạc, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Danh chỉ bản số 135 lập ngày 28/2/2020 tại Công an quận Thanh Xuân; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/2/2020 tại Trại tạm giam số 2- Công an thành phố Hà Nội; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Lữ Thị Kiều N, sinh năm 1980; HKTT: 1A ngõ 15 Đường V, phường L, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội; hiện trú tại: Số 64 đường L, phường C, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội – có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ 40 phút ngày 27/02/2020, tổ công tác Y30/141-CATP Hà Nội đang làm nhiệm vụ tại trước số 129 đường N, Thượng Đình, Thanh Xuân, Hà Nội phát hiện Lữ Ngọc T điều khiển xe máy nhãn hiệu PIAGGIO Vespa, BKS: 29D1-143.68 có biểu hiện nghi vấn nên tiến hành kiểm tra hành chính. T khai nhận đang cất giấu ma túy trong người và tự giác lấy từ trong khẩu trang y tế đang đeo ra 01 gói nilon màu trắng kích thước 3x5cm, bên trong có chứa chất bột màu trắng T khai là ma túy Heroine. Tổ công tác tiến hành lập biên bản thu giữ, niêm phong tang vật rồi đưa T về trụ sở công an phường Thượng Đình để điều tra, làm rõ.

Ngoài ra, cơ quan công an còn thu giữ của Lữ Ngọc T:

- 01 xe máy nhãn hiệu PIAGGIO VESPA LX màu xanh, BKS: 29D1-143.68 (có SK: 019010; SM: 4018812); 01 khẩu trang y tế màu đen, kích thước 9x16cm; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1202 màu xanh, imei: 357979033192034, bên trong lắp sim số: 0372766687.

Tại Bản kết luận giám định số 1758/KLGD-PC09 ngày 06/3/2020 của phòng kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hà Nội kết luận: Chất bột màu trắng bên trong 01 túi nilong là ma túy loại Heroine, khối lượng 3,040 gam.

Tại cơ quan điều tra, Lữ Ngọc T khai nhận như sau: Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 27/02/2020, T điều khiển xe máy Piaggio Vespa BKS: 29D1-143.68 đến khu vực Khuất Duy Tiến, Thanh Xuân để mua ma túy về sử dụng. Khi đến khu vực ngã tư Nguyễn Trãi – Khuất Duy Tiến, T gọi điện cho một người nữ giới tên M dùng số điện thoại 0966735172 để mua ma túy. Sau khi gặp M, T đưa cho M 3.000.000 đồng và được M đưa cho 01 gói nilông ma túy Heroine. T cho gói ma túy vào bên trong khẩu trang rồi đeo lên miệng, sau đó điều khiển xe đi về nhà. Mục đích mua ma túy để sử dụng cho bản thân. Khi T đi đến trước số 129 Nguyễn Trãi thì bị tổ công tác Y30/141-CATP Hà Nội đang làm nhiệm vụ kiểm tra, phát hiện và bắt giữ như đã nêu trên.

Tại Cáo trạng số 114/CT-VKS ngày 27/5/2020, Viện kiểm sát nhân dân quận

Thanh Xuân đã truy tố Lữ Ngọc T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự

Tại phiên tòa, Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố; sau khi xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt Lữ Ngọc T từ 36 tháng đến 42 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”

- Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo

- Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy, chiếc khẩu trang y tế; tịch thu sung ngân sách nhà nước chiếc điện thoại di động đã thu giữ của bị cáo.

Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, xin được hưởng mức hình phạt nhẹ nhất

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người làm chứng, vật chứng đã thu giữ, kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy có đủ cơ sở để kết luận:

Khoảng 21 giờ 40 phút ngày 27/02/2020, tại trước số 129 Nguyễn Trãi, Thượng Đình, Thanh Xuân, Hà Nội, Lữ Ngọc T đã có hành vi cất giữ trái phép 3,040 gam ma túy loại Heroine nhằm mục đích sử dụng cho bản thân nhưng chưa kịp sử dụng thì bị tổ công tác Y13-141 – Công an thành phố Hà Nội đang làm nhiệm vụ phát hiện bắt quả tang.

Hành vi của bị cáo đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự như cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân đã truy tố.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý chất ma túy của Nhà nước, gây mất trật tự trị an và gây hậu quả xấu đến nhiều mặt của đời sống xã hội, là nguyên nhân làm phát sinh nhiều loại tội phạm khác, bị cáo đã từng bị kết án, lẽ ra phải lấy đó làm bài học kinh nghiệm để rèn luyện bản thân, nhưng bị cáo vẫn tiếp tục phạm tội, thể hiện sự coi thường pháp luật. Lỗi phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp “tái phạm” là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Vì vậy cần phải có mức hình phạt phù hợp để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa tội phạm chung.

[3] Khi lượng hình, Hội đồng xét xử cũng nhận thấy: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo là người cao tuổi nên giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo

[5] Về xử lý vật chứng: Toàn bộ số ma túy đã thu giữ và chiếc khẩu trang không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với chiếc điện thoại Nokia 1202 màu xanh là tài sản của T sử dụng vào việc mua ma túy nên tịch thu sung ngân sách nhà nước.

Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu PIAGGIO Vespa LX màu xanh, BKS: 29D1-143.68, T khai mượn của con gái là Lữ Thị Kiều N. Quá trình điều tra xác định chiếc xe trên là tài sản hợp pháp của chị Nga. Chị Nga không biết việc T sử dụng xe để đi mua ma túy nên cơ quan điều tra ra quyết định trao trả chiếc xe trên cho chị N, chị N đã nhận lại tài sản và không có ý kiến gì.

[6] Đối với người nữ giới bán ma túy tên M, T khai không biết tên tuổi, địa chỉ của người nữ giới đó, số điện thoại của M là do bạn ngoài xã hội cho T. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh chủ thuê bao của số điện thoại trên nhưng không xác định được. Do vậy, cơ quan điều tra không có căn cứ để điều tra làm rõ.

[7] Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật hình sự; các điều 106, 136, 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên bố bị cáo Lữ Ngọc T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”

2. Xử phạt Lữ Ngọc T **03 (ba) năm** tù, thời hạn tù tính từ ngày 28/2/2020.

3. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) phong bì niêm phong dán kín có chữ ký của giám định viên Nguyễn Hoàng H, Đ/c Lê Văn S công an phường Thượng Đình, người làm chứng Nguyễn Phúc Anh, đối tượng Lữ Ngọc T và đóng dấu đỏ của công an phường Thượng Đình vào mép dán niêm phong, bên trong có 01 túi nilong màu trắng kích thước 3x5cm chứa chất bột màu trắng khối lượng 3,040 gam Heroin (Phòng PC 09 thu mẫu giám định 0,150 gam, còn lại 2,89 gam Heroin).

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) khẩu trang y tế màu đen kích thước 9x16cm.

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1202 màu xanh, imei: 357979033192034, bên trong lắp sim số: 0372766687

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 07/7/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Xuân, Hà Nội)

4. Về án phí: Buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND TP Hà Nội;
- VKSND quận Thanh Xuân;
- Công an quận Thanh Xuân;
- THADS quận Thanh Xuân;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HS, VT.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Ngọc

**BỘ CÔNG AN – VIỆN KIỂM SÁT
NHÂN DÂN TỐI CAO – TÒA ÁN
NHÂN DÂN TỐI CAO – BỘ TƯ PHÁP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 08/2015/TTLT-BCA-VKSNDTC-
TANDTC-BTP

Hà Nội, ngày 14 tháng 11 năm 2015

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỂM CỦA THÔNG TƯ LIÊN TỊCH SỐ [17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP](#) NGÀY 24/12/2007 CỦA BỘ CÔNG AN, VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO, TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO, BỘ TƯ PHÁP HƯỚNG DẪN ÁP DỤNG MỘT SỐ QUY ĐỊNH TẠI CHƯƠNG XVIII “CÁC TỘI PHẠM VỀ MA TÚY” CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 1999

Căn cứ Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009);

Căn cứ Nghị quyết số 96/2015/QH13 ngày 26/6/2015 của Quốc hội khóa XIII về tăng cường các biện pháp phòng, chống oan, sai và bảo đảm bồi thường cho người bị thiệt hại trong hoạt động tố tụng hình sự;

Bộ trưởng Bộ Công an, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông tư liên tịch sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 24/12/2007 của Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Chương XVIII “Các tội phạm về ma túy” của Bộ luật hình sự năm 1999 (sau đây viết gọn là Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT),

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT

1. Sửa đổi, bổ sung điểm a tiết 1.1 mục 1 Phần I như sau:

“a) Đối với các chất ma túy ở thể rắn được hòa thành dung dịch hoặc chất ma túy ở thể lỏng đã được pha loãng thì không coi toàn bộ dung dịch hoặc dung dịch pha loãng này là chất ma túy ở thể lỏng mà cần xác định hàm lượng chất ma túy trong dung dịch để tính, trọng lượng chất ma túy đó.

Ví dụ: Thuốc phiện, hêrôin được hòa thành dung dịch thì không coi toàn bộ dung dịch này là chất ma túy ở thể lỏng mà cần xác định hàm lượng morôphin cùng với các thành phần khác của thuốc phiện trong dung dịch để tính trọng lượng của thuốc phiện hoặc xác định hàm lượng morôphin cùng với các thành phần khác của hêrôin để tính trọng lượng hêrôin”.

2. Sửa đổi, bổ sung tiết 1.4 mục 1 Phần I như sau:

“1.4. Trong mọi trường hợp, khi thu giữ được các chất nghi là chất ma túy hoặc tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy thì đều phải trưng cầu giám định để xác định loại và trọng lượng chất ma túy, tiền chất thu giữ được. Bắt buộc phải trưng cầu giám định hàm lượng để xác định trọng lượng chất ma túy trong các trường hợp sau:

a, Chất ma túy, tiền chất dùng vào việc sản xuất chất ma túy ở thể rắn được hòa thành dung dịch;

b, Chất ma túy, tiền chất dùng vào việc sản xuất chất ma túy ở thể lỏng đã được pha loãng;

c, Xái thuốc phiện;

d, Thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần;

Ngoài các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và d tiết 1.4 Mục này, nếu có căn cứ và xét thấy cần thiết, Tòa án trực tiếp trưng cầu giám định để bảo đảm việc xét xử đúng pháp luật.

Nếu chất được giám định không phải là chất ma túy hoặc không phải là tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy, nhưng người thực hiện hành vi phạm tội ý thức rằng chất đó là chất ma túy hoặc chất đó là tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy, thì tùy hành vi phạm tội cụ thể mà truy cứu trách nhiệm hình sự người đó theo tội danh quy định tại khoản 1 của điều luật tương ứng đối với các tội phạm về ma túy.

Trường hợp một người biết là chất ma túy giả nhưng làm cho người khác tưởng là chất ma túy thật nên mua bán, trao đổi... thì người đó không bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội phạm về ma túy mà bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo Điều 139 Bộ luật Hình sự, nếu thỏa mãn các dấu hiệu khác nữa trong cấu thành tội phạm của tội này.

Trường hợp không thu giữ được vật chứng là chất ma túy, tiền chất nhưng có căn cứ xác định được trọng lượng chất ma túy, tiền chất mà người phạm tội đã mua bán, vận chuyển, tàng trữ hoặc chiếm đoạt thì người phạm tội bị truy cứu trách nhiệm hình sự về các tội danh và điều khoản tương ứng.”

Điều 2. Quy định chuyển tiếp

1. Đối với người thực hiện hành vi phạm tội trước ngày Thông tư liên tịch này có hiệu lực thi hành, nếu các hướng dẫn trong Thông tư liên tịch này làm giảm nhẹ trách nhiệm hình sự so với các hướng dẫn trong Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT thì được áp dụng khi điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm, xét xử phúc thẩm, xét xử giám đốc thẩm hoặc tái thẩm.

2. Đối với các trường hợp mà người phạm tội đã bị kết án đúng theo Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT và bản án đã có hiệu lực pháp luật thì không áp dụng hướng dẫn của Thông tư liên tịch này để kháng nghị theo trình tự giám đốc thẩm, tái thẩm.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Thông tư liên tịch này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 12 năm 2015. Bãi bỏ các hướng dẫn tại điểm đ tiết 3.7 mục 3 Phần II; điểm b tiết 7.3 mục 7 Phần II; mục 8 Phần II của Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

1. Các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành và tổ chức thực hiện hướng dẫn tại Thông tư liên tịch này.

2. Trong quá trình thực hiện Thông tư liên tịch nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị liên quan phản ánh về Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp để có hướng dẫn kịp thời.

